TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07-12-2021.
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 07/12/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số 199/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2021, về: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M sinh năm 1993, vắng mặt.

HKTT: Thôn 2, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Xóm 8, thôn M, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Mạc Văn T sinh năm 1991, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị N sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1970, địa chỉ: Xóm 8, thôn M, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị M trình bày: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/7/2014. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên

bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết và đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Nay, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị M, anh T có một con là Mạc Đức P sinh ngày 26/7/2015, do chị M nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị M xin nhận nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị M không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và không gửi văn bản nêu ý kiến quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà T (mẹ chị M) đề nghị giải quyết cho chị M ly hôn anh T; giao cháu P cho chị M nuôi dưỡng; gia đình bà sẽ hỗ trợ chị M trong việc nuôi dưỡng cháu P. Bà N (mẹ anh T) xác định: Quá trình chung sống giữa hai bên đương sự có xảy ra mâu thuẫn, gia đình đã động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả; nay chị M xin ly hôn, giải quyết nuôi con với anh T, bà đề nghị giải quyết theo pháp luật; đối với các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã giao, thông báo cho anh T.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng là chị M đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; anh T chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) áp dụng Điều 147, 277, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử, chị M ly hôn anh T; giao cháu P cho chị M nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con vì chị M không yêu cầu. Chị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị M đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hôn nhân: Chị M, anh T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/7/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không

hợp tính nết nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Theo xác minh tại địa phương và người thân trong gia đình của đương sự, xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên đương sự đã trầm trọng, không còn khả N đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, chị M cũng như gia đình của đương sự đã thông báo cho anh T, nhưng anh T không khai báo, không tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh T không mong muốn tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân với chị M. Như vậy, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị M và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị M ly hôn anh T.

[3]. Về con chung: Xác định chị M, anh T có một con là Mạc Đức P sinh ngày 26/7/2015, khi ly hôn chị M có nguyện vọng xin nhận nuôi dưỡng con, HĐXX thấy rằng thời gian trước đây và hiện nay cháu P do chị M nuôi dưỡng, quá trình nuôi dưỡng chị M đảm bảo tốt về mọi mặt; chị M là giáo viên nên có điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung tốt hơn so với anh T; mặt khác bà Tc nhận nếu chị M được nuôi dưỡng con chung thì gia đình bà sẽ hỗ trợ chị M trong việc nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị M và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử giao cháu P cho chị M nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con vì chị M không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức, ruộng canh tác: Đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Mạc Văn T.

2. Về con chung: Giao con Mạc Đức P sinh ngày 26/7/2015 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 12/2021 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh Mạc Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm

ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003259 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị M, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuân